

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHỈNH SỬA TRONG ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

Bảng các điều khoản chỉnh sửa dưới đây liệt kê những điều khoản chỉnh sửa nhằm mục đích:

- (1) cập nhật các quy định của (i) Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi và bổ sung bởi Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2025 (sau đây gọi chung là "**LDN**"), (ii) Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, được sửa đổi và bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ (sau đây gọi chung là "**NĐ 155**"), và (iii) Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính;
- (2) bổ sung các nguyên tắc quan trọng về quản trị nhóm công ty;
- (3) bổ sung các nội dung liên quan đến chữ ký số, biểu quyết điện tử và các vấn đề liên quan;
- (4) chỉnh sửa thống nhất với các điều khoản khác và một số tài liệu nội bộ của Công ty;
- (5) chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty; và
- (6) cập nhật Bộ nguyên tắc quản trị công ty Việt Nam năm 2026.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
1	ĐIỀU 2. ĐỊNH NGHĨA 2.1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: [...] v) "Ban Giám đốc" là một cơ cấu quản lý, bao gồm Tổng Giám đốc và các nhân sự quản lý khác do Tổng Giám đốc lựa chọn và đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm tùy từng thời điểm, có trách nhiệm hỗ trợ Tổng	ĐIỀU 2. ĐỊNH NGHĨA 2.1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: [...] v) "Ban Giám đốc" là một cơ cấu quản lý, bao gồm Tổng Giám đốc và các nhân sự quản lý khác do (i) Tổng Giám đốc lựa chọn và đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm và/hoặc (ii) Tổng Giám đốc bổ nhiệm theo	Bổ sung để phù hợp với Điều 4.1 của Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa								
	<p>Giám đốc thực hiện hoạt động điều hành kinh doanh hàng ngày của Công ty;</p> <p>Không quy định.</p>	<p>sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, tùy từng thời điểm, có trách nhiệm hỗ trợ Tổng Giám đốc thực hiện hoạt động điều hành kinh doanh hàng ngày của Công ty;</p> <p>cc) “Chủ sở hữu hưởng lợi” là cá nhân đáp ứng các tiêu chí được quy định tại Điều 17 của Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có liên quan;</p> <p>dd) “Định hướng phát triển của Công ty” là các lĩnh vực kinh doanh chính, mô hình phát triển tổng thể và các mục tiêu dài hạn của Công ty trong giai đoạn từ năm (05) năm trở lên; và</p> <p>ee) “Ngày làm việc” có nghĩa là các ngày trong tuần, trừ thứ bảy, chủ nhật và những ngày lễ, ngày nghỉ khác theo quy định pháp luật và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p>	<p>Bổ sung theo Điều 4.35 của LDN.</p> <p>Bổ sung các định nghĩa.</p>								
2	<p>ĐIỀU 5. MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>5.3. Ngành, nghề kinh doanh:</p> <table border="1" data-bbox="286 1174 831 1386"> <thead> <tr> <th data-bbox="286 1174 409 1353">Mã ngành, nghề kinh doanh</th> <th data-bbox="409 1174 831 1353">Tên ngành, nghề kinh doanh</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="286 1353 409 1386">4662</td> <td data-bbox="409 1353 831 1386">Bán buôn kim loại và quặng</td> </tr> </tbody> </table>	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	4662	Bán buôn kim loại và quặng	<p>ĐIỀU 5. MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>5.3. Ngành, nghề kinh doanh:</p> <table border="1" data-bbox="958 1174 1503 1386"> <thead> <tr> <th data-bbox="958 1174 1081 1353">Mã ngành, nghề kinh doanh</th> <th data-bbox="1081 1174 1503 1353">Tên ngành, nghề kinh doanh</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="958 1353 1081 1386">4672</td> <td data-bbox="1081 1353 1503 1386">Bán buôn kim loại và quặng</td> </tr> </tbody> </table>	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	4672	Bán buôn kim loại và quặng	<p>Chỉnh sửa ngành nghề kinh doanh theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg, và phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>
Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh										
4662	Bán buôn kim loại và quặng										
Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh										
4672	Bán buôn kim loại và quặng										

STT	Nội dung hiện tại		Nội dung đề xuất chỉnh sửa		Lý do chỉnh sửa
		kim loại Chi tiết: [...]		kim loại Chi tiết: [...]	
	8532	Giáo dục nghề nghiệp Dạy nghề		8531 Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Dạy nghề	
	6492	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: [...]		6495 Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: [...]	
	4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: [...]		4771 Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: [...]	
	9631	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: Cắt tóc, làm đầu, gội đầu, chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chảy máu)		9621 Dịch vụ làm tóc Chi tiết: Cắt tóc, làm đầu, gội đầu, chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chảy máu)	
				9622 Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp và các hoạt động làm đẹp khác	
	4773 (Chính)	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: [...]		4773 (Chính) Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: [...]	
	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: [...]		4679 Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: [...]	

STT	Nội dung hiện tại		Nội dung đề xuất chỉnh sửa		Lý do chỉnh sửa
	2420	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý Chi tiết: [...]	2420	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu Chi tiết: [...]	
	4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	
	9000	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật tại trụ sở) (trừ kinh doanh vũ trường, phòng trà ca nhạc và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	9012	Hoạt động sáng tạo nghệ thuật thị giác	
			9020	Hoạt động biểu diễn nghệ thuật	
			9039	Hoạt động hỗ trợ khác cho sáng tạo nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật	
	1410	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) [...]	1410	Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) [...]	
	1322	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) [...]	1392	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) [...]	
	1323	Sản xuất thảm, chăn đệm [...]	1393	Sản xuất thảm, chăn, đệm [...]	
	1520	Sản xuất giày dép [...]	1520	Sản xuất giày, dép [...]	

STT	Nội dung hiện tại		Nội dung đề xuất chỉnh sửa		Lý do chỉnh sửa
	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh [...]	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh [...]	
	6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: [...]	6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí) Chi tiết: [...]	
	6201	Lập trình máy vi tính	6219	Lập trình máy tính khác	
	6202	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6220	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính	
	6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính [...]	6290	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác [...]	
	6311	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6310	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan	
	6312	Cổng thông tin [...]	6390	Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác [...]	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
3	<p>ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY</p> <p>6.2. Nghĩa vụ:</p> <p>Không quy định.</p>	<p>ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY</p> <p>6.2. Nghĩa vụ:</p> <p>j) Thu thập, cập nhật và lưu giữ thông tin về Chủ sở hữu hưởng lợi của Công ty; cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định Chủ sở hữu hưởng lợi của Công ty khi được yêu cầu;</p>	Bổ sung theo Điều 8.5(a) của LDN.
4	<p>ĐIỀU 7. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</p> <p>7.7. Ngoài các trường hợp được quy định tại Điều này, người đại diện theo pháp luật có quyền ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.</p>	<p>ĐIỀU 7. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</p> <p>7.7. Ngoài các trường hợp được quy định tại Điều này, Người đại diện theo pháp luật có quyền ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.</p>	Chỉnh sửa để tăng tính linh động trong việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật.
5	<p>ĐIỀU 8. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</p> <p>8.2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại gây ra cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 1, Điều này.</p>	<p>ĐIỀU 8. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</p> <p>8.2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định pháp luật và theo các quy định khác của Công ty đối với những thiệt hại gây ra cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản 1, Điều này.</p>	Bổ sung theo Điều 13.2 của LDN và phù hợp với hoạt động của Công ty.
6	<p>ĐIỀU 10. NGUYÊN TẮC – CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY</p> <p>10.8. Các thành viên Ban Giám đốc, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, theo đề xuất của Tổng Giám đốc, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.</p>	<p>ĐIỀU 10. NGUYÊN TẮC – CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY</p> <p>10.8. Các thành viên Ban Giám đốc, do Tổng Giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, và/hoặc Tổng Giám đốc bổ nhiệm và miễn nhiệm theo sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, hỗ</p>	Chỉnh sửa theo Điều 4.1 và Điều 6.2(b) của Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		trợ Tổng Giám đốc trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.	
7	<p>ĐIỀU 12. VỐN ĐIỀU LỆ</p> <p>12.3. Công ty không được sử dụng Vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc chia tài sản của Công ty cho các Cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp giảm Vốn điều lệ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.</p>	<p>ĐIỀU 12. VỐN ĐIỀU LỆ</p> <p>12.3. Công ty giảm Vốn điều lệ theo quy định tại Điều 13 của Điều lệ.</p>	Chỉnh sửa từ ngữ phù hợp.
8	<p>ĐIỀU 15. CỔ PHẦN</p> <p>15.3. Cổ phần phổ thông mới chào bán phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số Cổ phần mà Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số Cổ phần đó cho các đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số Cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp Cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p>	<p>ĐIỀU 15. CỔ PHẦN</p> <p>15.3. Cổ phần phổ thông mới chào bán phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số Cổ phần mà Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số Cổ phần đó cho các đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số Cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	Chỉnh sửa theo Điều 124.3 của LDN.
	15.5. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán Cổ phần. Giá chào bán Cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào	15.5. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán Cổ phần. Giá chào bán Cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của Cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:</p> <p>a) Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ Cổ phần hiện có của họ ở Công ty;</p> <p>b) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành và trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản; và</p>	<p>bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của Cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:</p> <p>a) Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ Cổ phần hiện có của họ ở Công ty;</p> <p>b) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông; và</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 126.3 của LDN.</p>
9	<p>ĐIỀU 16. CỔ PHIẾU VÀ CÁC CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC</p> <p>16.5. Nếu cổ phiếu bị mờ, rách, hư hỏng, tẩy xóa, bị mất hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, Cổ đông có thể đề nghị đổi cổ phiếu mới nếu trình đủ chứng cứ cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm thông tin về cổ phiếu đã bị mờ, rách, hư hỏng, tẩy xóa, bị mất hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, và cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>ĐIỀU 16. CỔ PHIẾU VÀ CÁC CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC</p> <p>16.5. Nếu cổ phiếu bị mờ, rách, hư hỏng, tẩy xóa, bị mất hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, Cổ đông có thể đề nghị đổi cổ phiếu mới theo hướng dẫn của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.</p>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.</p>
	<p>16.6. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát</p>	<p>16.6. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty sẽ được phát hành có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản</p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	hành quy định khác.	và điều kiện phát hành quy định khác.	
10	<p>ĐIỀU 19. THỪA KẾ CỔ PHẦN</p> <p>19.2. Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ Cổ phần của Cổ đông đã qua đời:</p> <p>a) Người thừa kế duy nhất của Cổ đông theo quy định của pháp luật.</p> <p>b) Nhiều người thừa kế của Cổ đông theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, những người thừa kế phải cử một (01) đại diện theo thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp Cổ đông đã qua đời, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của Cổ đông này được Công ty thừa nhận là người, hoặc những người duy nhất kế thừa quyền hưởng lợi số Cổ phần này. Quy định này không có nghĩa là Cổ phần thuộc sở hữu của Cổ đông đã qua đời không còn liên quan về nghĩa vụ tài sản mà Cổ đông đó đã thực hiện.</p>	<p>ĐIỀU 19. THỪA KẾ CỔ PHẦN</p> <p>19.2. Trường hợp Cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ đông đó trở thành Cổ đông của Công ty theo quy định pháp luật và quy định của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>19.3. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.</p>	Chỉnh sửa theo Điều 127.3 của LDN và phù hợp với hoạt động của Công ty.
11	<p>ĐIỀU 21. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG</p> <p>21.3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức được thực hiện theo các quy định sau đây:</p>	<p>ĐIỀU 21. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG</p> <p>21.3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức được thực hiện theo các quy định sau đây:</p>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	[...] c) Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	[...] c) Văn bản chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản , phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	Chỉnh sửa theo Điều 14.4 của LDN.
	21.4. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.	21.4. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam.	Bổ sung theo Điều 14.5(a) của LDN.
12	ĐIỀU 22. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG Người nắm giữ Cổ phần phổ thông có các quyền sau: 22.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông; 22.9. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số Cổ phần phổ thông có các quyền sau: [...] d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; và	ĐIỀU 22. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG Người nắm giữ Cổ phần phổ thông có các quyền sau: 22.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông; 22.9. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số Cổ phần phổ thông có các quyền sau: [...] d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; và	Chỉnh sửa theo Điều 115.1(e) của LDN. Chỉnh sửa theo Điều 30.4 của Điều lệ.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
13	<p>ĐIỀU 23. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG</p> <p>Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <p>23.2. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và pháp luật quy định. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm người đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>23.5. Cung cấp địa chỉ thư tín, thư điện tử và số điện thoại chính xác khi đăng ký mua Cổ phần, và khi có yêu cầu của Công ty;</p>	<p>ĐIỀU 23. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG</p> <p>Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <p>23.2. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và pháp luật quy định. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm người đại diện được ủy quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>23.5. Cung cấp địa chỉ thư tín, thư điện tử, số điện thoại chính xác và phương tiện khác theo hướng dẫn của Công ty khi đăng ký mua Cổ phần, và khi có yêu cầu của Công ty;</p>	<p>Bổ sung để làm rõ nội dung.</p> <p>Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.</p>
14	<p>ĐIỀU 24. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN</p> <p>24.3. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự cuộc họp thông qua, đồng thời được Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% phiếu biểu quyết của loại Cổ phần ưu đãi đó tham dự cuộc họp thông qua.</p>	<p>ĐIỀU 24. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN</p> <p>24.3. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự cuộc họp thông qua, đồng thời được Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% phiếu biểu quyết của loại Cổ phần ưu đãi đó tham dự cuộc họp thông qua.</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 17.1 của Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
15	<p>ĐIỀU 26. ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>26.2. Việc ủy quyền cho người đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự, và:</p> <p>[...]</p>	<p>ĐIỀU 26. ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>26.2. Việc ủy quyền cho người đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự, phải nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên người đại diện được ủy quyền, số lượng Cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, và:</p> <p>[...]</p>	Bổ sung theo Điều 16.2 của Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.
16	<p>ĐIỀU 28. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>28.1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>[...]</p>	<p>ĐIỀU 28. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>28.1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ sau.</p> <p>[...]</p>	Gộp Điều 28.1 vào Điều 29.1.
	<p>28.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>[...]</p> <p>d) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải bằng văn bản, có đầy đủ nội dung và tài liệu theo quy định tại Khoản 4, Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, nêu rõ lý do và mục đích cuộc</p>	<p>28.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>[...]</p> <p>d) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải bằng văn bản, có đầy đủ nội dung và tài liệu theo quy định tại Khoản 4, Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, nêu rõ lý do và mục đích cuộc</p>	Bổ sung theo Điều 115.4 của LDN.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>hợp, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một Cổ đông có liên quan; hoặc</p>	<p>hợp, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một Cổ đông có liên quan. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; hoặc</p>	
	<p>28.5. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xảy ra các trường hợp quy định tại Khoản 4, Điều này trong thời hạn như sau:</p> <p>i) khi xảy ra trường hợp quy định tại điểm b, Khoản 4, Điều này: trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày ban hành báo cáo tài chính;</p> <p>ii) khi xảy ra trường hợp quy định tại điểm c, Khoản 4, Điều này: trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này, hoặc số thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này; và</p>	<p>28.5. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xảy ra các trường hợp quy định tại Khoản 4, Điều này trong thời hạn như sau:</p> <p>i) khi xảy ra trường hợp quy định tại điểm b, Khoản 4, Điều này: trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày ban hành báo cáo tài chính;</p> <p>ii) khi xảy ra trường hợp quy định tại điểm c, Khoản 4, Điều này: trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày:</p> <p>x) số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>y) số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này; hoặc</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 140.4(a) của LDN và hoạt động của Công ty.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>iii) khi xảy ra trường hợp quy định tại điểm d, Khoản 4, Điều này: trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm a, Khoản 5, Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d, Khoản 4, Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.</p>	<p>z) số thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này; và</p> <p>iii) khi xảy ra trường hợp quy định tại điểm d, Khoản 4, Điều này: trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm a, Khoản 5, Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d, Khoản 4, Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.</p>	
	<p>28.6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>a) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng Cổ đông cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập cuộc họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>28.6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>a) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng Cổ đông cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập cuộc họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.</p>
17	ĐIỀU 29. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI HỘI	ĐIỀU 29. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI HỘI	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>29.1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua quyết định các vấn đề sau đây:</p> <p>a) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;</p> <p>b) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>d) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>p) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;</p> <p>u) Các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác không phải là Cổ đông và những Người có liên quan của các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính;</p> <p>v) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p>	<p>ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>29.1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua quyết định các vấn đề sau đây:</p> <p>a) Định hướng phát triển của Công ty; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;</p> <p>b) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty do Hội đồng quản trị trình;</p> <p>d) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>p) Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;</p> <p>u) Các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác không phải là Cổ đông và những Người có liên quan của các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính;</p> <p>v) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận và có quyền ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán phù hợp; quyết định công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p>	<p>Chỉnh sửa từ ngữ cho phù hợp.</p> <p>Gộp Điều 28.1 vào Điều 29.1.</p> <p>Bổ sung để làm rõ nội dung.</p> <p>Bổ sung theo Điều 139.3(c) của LDN.</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 138.2(h) của LDN.</p> <p>Xóa khoản này do đã được quy định chi tiết tại Điều 57.8.</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 138.2(m) của LDN và phù hợp với hoạt động của Công ty.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	x) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;	x) Tổ chức lại và Giải thể (thanh lý) Công ty, phá sản, các hoạt động khác liên quan đến giải thể hoặc phá sản , và chỉ định người thanh lý;	Xóa "tổ chức lại", vì đã được quy định tại mục (v).
18	<p>ĐIỀU 30. TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>30.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. [...]</p>	<p>ĐIỀU 30. TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>30.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, dựa trên Sổ đăng ký cổ đông (nếu có) hoặc Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Công ty. [...]</p>	Bổ sung theo Điều 141.1 của LDN.
	30.3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các Cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. [...]	30.3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi tám (28) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các Cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty, và được cập nhật theo quyết định của Hội đồng quản trị trước thời điểm tổ chức họp phù hợp với quy định pháp luật. [...]	Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty, và theo nguyên tắc 8.2.2 của Bộ nguyên tắc quản trị công ty năm 2026.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>30.4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số Cổ phần phổ thông có quyền đề xuất bằng văn bản chính thức về các vấn đề đưa vào chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình cuộc họp.</p>	<p>30.4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số Cổ phần phổ thông có quyền đề xuất bằng văn bản chính thức về các vấn đề đưa vào chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình cuộc họp.</p>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.</p>
	<p>30.8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>Trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến, Hội đồng quản trị sẽ ban hành Quy chế tổ chức họp và biểu quyết tương ứng.</p>	<p>30.8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>Trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến, Hội đồng quản trị sẽ quyết định Quy chế tổ chức họp và biểu quyết tương ứng, cùng với quy định hướng dẫn đăng ký dự họp, bỏ phiếu điện tử, truy cập, nhận hoặc tài tài liệu, và các vấn đề khác liên quan đến phương thức điện tử.</p>	<p>Bổ sung quy định liên quan đến e-voting và các vấn đề liên khác.</p>
19	<p>ĐIỀU 31. THỂ THỨC TIẾN HÀNH CUỘC HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>31.7. Chủ tọa của cuộc họp hoặc thư ký cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách</p>	<p>ĐIỀU 31. THỂ THỨC TIẾN HÀNH CUỘC HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>31.7. Chủ tọa của cuộc họp hoặc người được chủ tọa chỉ định có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự họp.	một cách hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự họp.	
	31.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác, với thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc, hoặc thay đổi địa điểm họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông hoặc trong các trường hợp sau đây: [...]	31.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác, với thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc, hoặc thay đổi địa điểm họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông hoặc trong các trường hợp sau đây: [...]	Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.
	31.10. Hội đồng quản trị, người triệu tập họp hoặc chủ tọa có thể yêu cầu Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp không tuân thủ các quy định về kiểm tra hoặc biện pháp an ninh nói trên hoặc cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp, Hội đồng quản trị, người triệu tập họp hoặc chủ tọa, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, từ chối việc tham dự cuộc họp hoặc trục xuất Cổ đông hoặc người đại diện nói trên.	31.10. Hội đồng quản trị, người triệu tập họp, chủ tọa hoặc người được chủ tọa chỉ định có thể yêu cầu Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp không tuân thủ các quy định về kiểm tra hoặc biện pháp an ninh nói trên hoặc cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp, Hội đồng quản trị, người triệu tập họp, chủ tọa hoặc người được chủ tọa chỉ định , sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, từ chối việc tham dự cuộc họp hoặc trục xuất Cổ đông hoặc người đại diện nói trên.	Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.
20	ĐIỀU 32. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC	ĐIỀU 32. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>HỢP</p> <p>32.2. Các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp. Nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp được thông qua khi được số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3, 4, và 7, Điều này và Khoản 10, Điều 34 của Điều lệ này.</p>	<p>HỢP</p> <p>32.2. Các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp. Nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp được thông qua khi được số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3, 4, và 7, Điều này và Khoản 10, Điều 34 của Điều lệ này.</p>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.</p>
21	<p>ĐIỀU 33. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>33.4. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p>	<p>ĐIỀU 33. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>33.4. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.</p>
22	<p>ĐIỀU 34. THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN</p> <p>34.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết/quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết/quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. Hội đồng quản trị phải bảo đảm</p>	<p>ĐIỀU 34. THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN</p> <p>34.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết/quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết/quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng Cổ đông. Hội đồng quản trị phải bảo đảm</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 143.2 của LDN.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Trong trường hợp gửi tài liệu và các văn bản có liên quan thông qua phương tiện điện tử, Hội đồng quản trị có thể gửi kèm văn bản hướng dẫn Cổ đông cách truy cập, nhận hoặc tải tài liệu, gửi phiếu biểu quyết về Công ty, và các vấn đề khác liên quan đến phương thức điện tử.	Bổ sung quy định về gửi tài liệu và phiếu biểu quyết thông qua phương tiện điện tử, và các vấn đề liên quan khác.
	34.5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.	34.5. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức; phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.	Bổ sung theo Điều 149.4 của LDN.
23	ĐIỀU 35. YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 35.3. Trường hợp nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết/quyết định bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại	ĐIỀU 35. YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 35.3. Trường hợp nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết/quyết định bị hủy bỏ có thể xem xét quyết định	Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày quyết định hủy bỏ nghị quyết/quyết định đó của trọng tài có hiệu lực theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	
24	ĐIỀU 36. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 36.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	ĐIỀU 36. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 36.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Tổng Giám đốc.	Bổ sung để thống nhất với Điều 10.5 của Điều lệ.
	36.6. Hội đồng quản trị phải báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c, Khoản 3, Điều 139 của Luật Doanh nghiệp và phải bảo đảm báo cáo này có các nội dung sau: [...] d) Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị; g) Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác; và	36.6. Hội đồng quản trị phải báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c, Khoản 3, Điều 139 của Luật Doanh nghiệp và phải bảo đảm báo cáo này có các nội dung sau: [...] d) Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị; g) Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý doanh nghiệp khác; và	Chỉnh sửa theo Điều 280.4 của NB 155. Chỉnh sửa theo Điều 280.8 của NB 155.
	Không quy định.	36.7. Hội đồng quản trị đánh giá định kỳ hàng năm về kết quả thực hiện công việc của Hội đồng quản trị,	Bổ sung theo nguyên tắc 4.3 của Bộ nguyên tắc quản trị công ty năm

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban, Tiểu ban và Ban thuộc Hội đồng quản trị.	2026.
25	<p>ĐIỀU 37. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>37.1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quyết định, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ nhân danh Công ty, trừ những quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Tổng Giám đốc.</p>	<p>ĐIỀU 37. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>37.1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quyết định, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ nhân danh Công ty, trừ những quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Tổng Giám đốc.</p>	Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.
	37.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và những Người quản lý doanh nghiệp khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.	37.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những Người quản lý doanh nghiệp khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.	Bổ sung để thống nhất với Điều 36.6(g) của Điều lệ.
	<p>37.3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các Quy chế quản lý nội bộ và nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyền hạn:</p> <p>[...]</p> <p>iv) Quyết định cơ cấu tổ chức, bao gồm các Khối, Trung tâm và Chi nhánh khu vực; quyết định các Quy</p>	<p>37.3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các Quy chế quản lý nội bộ và nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyền hạn:</p> <p>[...]</p> <p>iv) Quyết định cơ cấu tổ chức, bao gồm các Khối, Trung tâm và Chi nhánh khu vực; quyết định các Quy</p>	Gộp Điều 37.4 vào Điều 37.3(a).

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, và việc góp vốn, mua/bán cổ phần/phần vốn góp của doanh nghiệp khác;</p> <p>viii) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, Trưởng thành viên độc lập Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức Người quản lý doanh nghiệp khác hoặc người đại diện của Công ty. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc cách chức nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc cách chức;</p> <p>xxi) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác và/hoặc tham dự cuộc họp của hội đồng thành viên hoặc đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>Không quy định.</p> <p>Không quy định.</p>	<p>chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập và giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, và việc góp vốn, mua/bán cổ phần/phần vốn góp của doanh nghiệp khác;</p> <p>viii) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, Trưởng thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức Người quản lý doanh nghiệp khác hoặc người đại diện của Công ty. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc cách chức nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc cách chức;</p> <p>xxi) Cử người đại diện theo ủy quyền của Công ty tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác và/hoặc tham dự cuộc họp của hội đồng thành viên hoặc đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>xxiii) Ban hành các nghị quyết, quyết định, quy định hoặc hướng dẫn cụ thể liên quan đến sử dụng chữ ký điện tử trong việc ký kết các tài liệu của Công ty;</p> <p>xxiv) Quyết định các quy chế hoặc quy định hướng dẫn đăng ký dự họp và bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, gửi tài liệu và phiếu biểu quyết bằng phương thức điện tử trong trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản và các vấn đề khác liên quan</p>	<p>Bổ sung để làm rõ chủ thể.</p> <p>Bổ sung quyền hạn của HĐQT liên quan đến chữ ký điện tử, tạo điều kiện để ban hành các quy định chi tiết về sử dụng chữ ký điện tử trong tương lai.</p> <p>Bổ sung quyền hạn của HĐQT liên quan đến e-voting và các vấn đề liên quan khác.</p> <p>Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>xxvii) Giám sát hoạt động các thành viên Ban Giám đốc;</p>	<p>đến phương thức điện tử;</p> <p>xxvii) Giám sát hoạt động của Công ty theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>xxix) Thực thi các quyền về quản trị công ty trong Nhóm Công Ty theo quy định pháp luật, Điều lệ này và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, và quyền về quản trị công ty trong Nhóm Công Ty. Hội đồng quản trị có quyền trao quyền và/hoặc phân quyền bằng văn bản cho Tổng Giám đốc thực hiện các quyền này;</p> <p>xxx) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2, Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 138 và Khoản 3, Điều 167 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty, bao gồm cả các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê, mua Công ty và liên doanh;</p> <p>xxxi) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;</p> <p>xxxii) Quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường theo các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p>	<p>Gộp Điều 37.4 vào Điều 37.3(a), và chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>xxxiii) Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh của Công ty và ngân sách vượt quá 5% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm của Công ty hoặc các khoản đầu tư nằm trong kế hoạch kinh doanh vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>xxxiv) Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ, bí quyết kỹ thuật và tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam;</p> <p>xxxv) Quyết định việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại Cổ phần;</p> <p>xxxvi) Quyết định các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>xxxvii) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi Cổ phần của Công ty; và</p>	
	<p>b) Nghĩa vụ</p> <p>[...]</p> <p>vii) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và</p>	<p>b) Nghĩa vụ</p> <p>[...]</p> <p>vii) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và</p>	<p>Bổ sung theo Điều 278.8 của NĐ</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác của Công ty;</p> <p>x) Ban hành nguyên tắc đánh giá và đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban khác thuộc Hội đồng quản trị, và thành viên Ban Giám đốc;</p> <p>Không quy định.</p>	<p>các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người phụ trách quản trị công ty và Người quản lý doanh nghiệp khác của Công ty;</p> <p>x) Ban hành nguyên tắc đánh giá và đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban khác thuộc Hội đồng quản trị, và Người quản lý doanh nghiệp khác của Công ty;</p> <p>xii) Thực hiện chi trả cổ tức cho Cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; và</p>	<p>155.</p> <p>Chỉnh sửa chủ thể phù hợp với hoạt động của Công ty.</p> <p>Bổ sung theo Điều 278.10 của NB 155.</p>
	<p>37.4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>[...]</p>	<p>37.4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>[...]</p>	Xóa khoản này do đã gộp vào Điều 37.3(a).
	<p>37.5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác trong năm tài chính.</p>	<p>37.4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý doanh nghiệp khác trong năm tài chính.</p>	Bổ sung để thống nhất với Điều 36.6(g) của Điều lệ.
	<p>37.8. Trường hợp nghị quyết/quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết/quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết/quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công</p>	<p>37.7. Trường hợp nghị quyết/quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết/quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết/quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công</p>	Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết/quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu trọng tài đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết/quyết định nói trên.	ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết/quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết/quyết định nói trên.	
	Không quy định.	37.8. Các chủ thể có liên quan đến hoạt động giám sát thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ các nguyên tắc do Hội đồng quản trị quy định tại các tài liệu liên quan đến hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị.	Bổ sung các nguyên tắc giám sát được đề cập tại Khung nguyên tắc giám sát của HĐQT.
26	ĐIỀU 38. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 38.2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Hội đồng quản trị, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị phải được Hội đồng quản trị đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. [...]	ĐIỀU 38. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 38.2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Hội đồng quản trị, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị phải được Hội đồng quản trị đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải gửi thông tin theo yêu cầu của Công ty tối thiểu mười bảy (17) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. [...]	Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.
	38.11. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các Quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và các nghĩa vụ sau:	38.11. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các Quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và các nghĩa vụ sau:	Bổ sung theo nguyên tắc 1.5.1 của Bộ nguyên tắc quản trị công ty năm 2026.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ đông và của Công ty;	a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách thiên chí , trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ đông và của Công ty, tránh tất cả các xung đột lợi ích phát sinh hiện hữu và tiềm tàng ;	
	38.12. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	38.12. Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải lập báo cáo về hoạt động của từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị.	Chỉnh sửa theo Điều 277.3 của ND 155.
27	ĐIỀU 39. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 39.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: [...] Không quy định.	ĐIỀU 39. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 39.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: [...] i) Quyết định hình thức tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị và phương thức biểu quyết tương ứng, đồng thời ban hành quy định hướng dẫn đăng ký dự họp và bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Hội đồng quản trị, gửi tài liệu và phiếu biểu quyết bằng phương thức điện tử trong trường hợp lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và các vấn đề khác liên quan đến phương thức điện tử;	Bổ sung quy định về e-voting và các vấn đề liên quan khác.
28	ĐIỀU 40. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 40.3. Hội đồng quản trị bầu một (01) trong số các	ĐIỀU 40. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 40.3. Hội đồng quản trị bầu một (01) trong số các	Bổ sung theo nguyên tắc 2.5.5 của

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm Trưởng thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</p> <p>Trưởng thành viên độc lập Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Điều phối hoạt động của các Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên; và</p> <p>c) Các quyền và nghĩa vụ khác theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các Quy chế quản lý nội bộ.</p>	<p>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm Trưởng thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</p> <p>Trưởng thành viên độc lập Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Điều phối hoạt động của các Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổng hợp báo cáo đánh giá của từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Hội đồng quản trị và đại diện các thành viên độc lập Hội đồng quản trị báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;</p> <p>c) Tham gia đánh giá hiệu quả công việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị nếu có yêu cầu; và</p> <p>d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các Quy chế quản lý nội bộ.</p>	<p>Bộ nguyên tắc quản trị công ty năm 2026.</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 277.3 của NB 155.</p>
29	<p>ĐIỀU 42. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>42.2. Hội đồng quản trị tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>ĐIỀU 42. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>42.2. Hội đồng quản trị tổ chức họp tối thiểu sáu (06) lần trong một năm, bảo đảm ít nhất mỗi quý họp một (01) lần. Hội đồng quản trị có thể họp bất thường theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ sung theo nguyên tắc 1.4.4 của Bộ nguyên tắc quản trị công ty năm 2026.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>42.6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước ngày tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải thông tin đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo phiếu biểu quyết và những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp. [...]</p>	<p>42.6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải thông tin đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo phiếu biểu quyết và những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp; những văn bản và tài liệu này được cập nhật trước thời điểm tổ chức họp phù hợp với quy định pháp luật. [...]</p>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty, và Nguyên tắc 4.1.2 của Bộ nguyên tắc quản trị công ty năm 2026.</p>
	<p>42.7. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc qua người đại diện được ủy quyền dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>42.7. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc qua người đại diện được ủy quyền dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.</p>
	<p>42.9. Biểu quyết trong cuộc họp Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Trừ quy định tại điểm b, Khoản 9, Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.</p>	<p>42.9. Biểu quyết trong cuộc họp Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Trừ quy định tại điểm b, Khoản 9, Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị có thể biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp, bỏ phiếu điện tử hoặc phương thức khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.</p>	<p>Bổ sung quy định về e-voting.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	Không quy định	42.16. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành họp tối thiểu mỗi năm một (01) lần mà không có sự hiện diện của các thành viên Hội đồng quản trị điều hành để xem xét hoặc thảo luận các vấn đề về điều hành; để làm rõ, cuộc họp này không được xem là cuộc họp Hội đồng quản trị chính thức để ban hành nghị quyết/quyết định hay biểu quyết thông qua bất kỳ vấn đề nào.	Bổ sung theo nguyên tắc 1.4.4 của Bộ nguyên tắc quản trị công ty năm 2026.
30	<p>ĐIỀU 43. LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BẰNG VĂN BẢN</p> <p>43.2. Thể thức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:</p> <p>a) [...]</p> <p>b) Thời gian để thành viên Hội đồng quản trị nghiên cứu và gửi lại phiếu lấy ý kiến, tùy thuộc vào vấn đề cần lấy ý kiến, nhưng trong mọi trường hợp không ít hơn ba (03) ngày làm việc và không vượt quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến, ngoại trừ các trường hợp cần thiết do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.</p>	<p>ĐIỀU 43. LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BẰNG VĂN BẢN</p> <p>43.2. Thể thức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:</p> <p>a) [...] Trong trường hợp gửi tài liệu và các văn bản có liên quan thông qua phương tiện điện tử, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể gửi kèm văn bản hướng dẫn thành viên Hội đồng quản trị cách truy cập, nhận hoặc tài tài liệu, gửi phiếu biểu quyết về Công ty, và các vấn đề khác liên quan đến phương thức điện tử.</p> <p>b) Thời gian để thành viên Hội đồng quản trị nghiên cứu và gửi lại phiếu lấy ý kiến, tùy thuộc vào vấn đề cần lấy ý kiến, nhưng trong mọi trường hợp không ít hơn năm (05) ngày làm việc và không vượt quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến, ngoại trừ các trường hợp cần thiết do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.</p>	<p>Bổ sung quy định liên quan đến gửi tài liệu và phiếu biểu quyết thông qua phương tiện điện tử và các vấn đề có liên quan khác.</p> <p>Chỉnh sửa theo nguyên tắc 4.1.2 của Bộ nguyên tắc quản trị công ty năm 2026.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
31	<p>ĐIỀU 44. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>44.3. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật các thông tin được cung cấp.</p>	<p>ĐIỀU 44. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>44.3. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật các thông tin được cung cấp trong quá trình làm việc trong Hội đồng quản trị và sau đó, và không được sử dụng những thông tin này vì lợi ích cá nhân.</p>	<p>Bổ sung theo nguyên tắc 1.5.6 của Bộ nguyên tắc quản trị công ty năm 2026.</p>
32	<p>ĐIỀU 45. THÀNH PHẦN ỦY BAN KIỂM TOÁN</p> <p>45.3. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>[...]</p>	<p>ĐIỀU 45. THÀNH PHẦN ỦY BAN KIỂM TOÁN</p> <p>45.3. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty, đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>[...]</p>	<p>Bổ sung để có cơ sở áp dụng các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên UBKT theo Quy chế hoạt động của UBKT.</p>
33	<p>ĐIỀU 46. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN</p> <p>Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 của Luật Doanh nghiệp, Điều 17 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty, và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>Không quy định.</p>	<p>ĐIỀU 46. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN</p> <p>Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 của Luật Doanh nghiệp, Điều 17 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty, và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>46.3. Thào luận, phản biện, yêu cầu kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập giải thích hoặc phản hồi các yêu cầu hoặc đề nghị hợp lý của mình đối với giao dịch và sự kiện liên quan hoặc những ảnh hưởng tiềm tàng đến kiểm soát tài chính và báo cáo tài chính; theo dõi và đánh giá tính độc lập và khách quan của công ty</p>	<p>Bổ sung theo nguyên tắc 3.1.3(d), (g), (i) của Bộ nguyên tắc quản trị công ty năm 2026.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán;</p> <p>46.8. Thực hiện công tác chuẩn bị cho việc ra quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến giám sát sự trung thực và chất lượng báo cáo tài chính và báo cáo phát triển bền vững của Công ty, cũng như hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ của Công ty; và</p>	
34	<p>ĐIỀU 47. CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN</p> <p>47.1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. [...]</p>	<p>ĐIỀU 47. CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN</p> <p>47.1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất bốn (04) lần trong một năm. [...]</p>	<p>Chỉnh sửa theo nguyên tắc 3.1.3(j) của Bộ nguyên tắc quản trị công ty năm 2026.</p>
35	<p>ĐIỀU 48. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN</p> <p>48.2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải bảo đảm có các nội dung sau:</p> <p>[...]</p> <p>d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc</p>	<p>ĐIỀU 48. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN</p> <p>48.2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải bảo đảm có các nội dung sau:</p> <p>[...]</p> <p>d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người quản lý doanh nghiệp khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 284.2(d), (e) của NĐ 155.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>Người quản lý doanh nghiệp khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác; và</p>	<p>giám đốc, Kế toán trưởng hoặc Người quản lý doanh nghiệp khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý doanh nghiệp khác; và</p>	
36	<p>ĐIỀU 49. TỔNG GIÁM ĐỐC</p> <p>49.2. Tổng Giám đốc không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty và phải là người:</p> <p>[...]</p> <p>g) Không được là người có quan hệ gia đình của Người quản lý doanh nghiệp của Công ty, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty; và</p>	<p>ĐIỀU 49. TỔNG GIÁM ĐỐC</p> <p>49.2. Tổng Giám đốc không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty và phải là người:</p> <p>[...]</p> <p>g) Không được là Người có liên quan theo quy định tại điểm d, Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán của Người quản lý doanh nghiệp của Công ty, người đại diện phần vốn nhà nước, và người đại diện phần vốn của Cổ đông là tổ chức tại Công ty; và</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 291.6 của NB 155.</p>
	<p>49.6. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Thông tin về tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm của Công ty và phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>49.6. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý doanh nghiệp khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tin về tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm của</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 34.4 của Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		Công ty và phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	
37	<p>ĐIỀU 54. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</p> <p>54.3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p>	<p>ĐIỀU 54. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</p> <p>54.3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục và quản lý các vấn đề hậu cần của các cuộc họp Hội đồng quản trị và các Ủy ban, Tiểu ban và Ban thuộc Hội đồng quản trị, tham dự và ghi biên bản họp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền đạt thông tin trong Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Tư vấn cho Hội đồng quản trị và các Ủy ban, Tiểu ban và Ban thuộc Hội đồng quản trị;</p>	Bổ sung theo nguyên tắc 4.2.3(a), (b) của Bộ nguyên tắc quản trị công ty năm 2026.
38	<p>ĐIỀU 57. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</p> <p>57.6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p>	<p>ĐIỀU 57. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</p> <p>57.6. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Giám đốc có xung đột lợi ích tiềm tàng phải báo cáo ngay mọi xung đột lợi ích tiềm tàng trong một giao dịch cùng với tất cả thông tin liên quan có ý nghĩa trọng yếu đối với Công ty và/hoặc đối với các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Giám đốc đó cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên khác của Ban Giám đốc.</p>	Bổ sung theo nguyên tắc 1.8.4 của Bộ nguyên tắc quản trị công ty năm 2026.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>57.8. Trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty không cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác không phải là Cổ đông và Người có liên quan đến các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các tổ chức có liên quan đến các thành viên nêu trên là các công ty hoạt động theo nhóm công ty mà trong đó Công ty đóng vai trò là công ty mẹ.</p>	<p>57.8. Cấp khoản vay hoặc bảo lãnh</p> <p>a) Trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác không phải là Cổ đông và Người có liên quan đến các chủ thể nêu trên, trừ trường hợp quy định tại điểm c(i), Khoản 8, Điều này.</p> <p>b) Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho (i) Cổ đông là cá nhân và Người có liên quan của Cổ đông đó là cá nhân; (ii) Cổ đông là tổ chức và Người có liên quan của Cổ đông đó là cá nhân; và (iii) Người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp quy định tại điểm c(ii), Khoản 8, Điều này.</p> <p>c) Hội đồng quản trị chấp thuận việc Công ty cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các chủ thể sau đây nếu các chủ thể này là các công ty hoạt động theo Nhóm Công Ty mà trong đó Công ty đóng vai trò là công ty mẹ, và không phải là Cổ đông của Công ty:</p> <p>i) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác; và</p> <p>ii) Người có liên quan của Cổ đông là tổ chức.</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 293 của NB 155.</p>
39	ĐIỀU 58. CHẤP THUẬN HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN	ĐIỀU 58. CHẤP THUẬN HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>58.1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp và Người có liên quan của họ; hoặc</p> <p>c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ủy ban kiểm toán, và Người quản lý doanh nghiệp, của Công ty phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Khoản 2, Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>58.1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác và Người có liên quan của họ; hoặc</p> <p>c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ủy ban kiểm toán, và Người quản lý doanh nghiệp khác của Công ty phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Khoản 2, Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Chỉnh sửa từ ngữ phù hợp.</p>
	<p>58.2. Đối với các hợp đồng, giao dịch theo quy định Khoản 1, Điều này, Hội đồng quản trị chỉ có quyền chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, bằng một nghị quyết với đa số phiếu tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông</p>	<p>58.2. Đối với các hợp đồng, giao dịch theo quy định Khoản 1, Điều này, Hội đồng quản trị chỉ có quyền chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, bằng một nghị quyết với đa số phiếu tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận</p>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	
	58.3. Đại hội đồng cổ đông có quyền chấp thuận (a) các hợp đồng, giao dịch khác thuộc Khoản 1, Điều này, trừ những hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị như quy định tại Khoản 2, Điều này, (b) các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó, và (c) giao dịch tại Khoản 1, Điều này có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.	58.3. Đại hội đồng cổ đông có quyền chấp thuận (a) các hợp đồng, giao dịch khác thuộc Khoản 1, Điều này, trừ những hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị như quy định tại Khoản 2, Điều này, (b) các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó, và (c) giao dịch tại Khoản 1, Điều này có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.	Chỉnh sửa theo Điều 293.4(b) của ND 155.
	58.4. [...] Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, hoặc trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.	58.4. [...] Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, hoặc trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản	Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.
	58.5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao	58.5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao	Bổ sung theo Điều 167.5 của LDN.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	dịch, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	dịch, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	
	58.7. Đối với các hợp đồng, giao dịch không được ký kết giữa Công ty và các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này, nhưng vì lợi ích của các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này: người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo với Hội đồng quản trị và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch này bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.	58.7. Đối với các hợp đồng, giao dịch không được ký kết giữa Công ty và các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này, nhưng vì lợi ích của các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này mà không nằm trong chính sách của Công ty đã được thông qua: người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo với Hội đồng quản trị ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày dự kiến ký kết.	Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.
40	<p>ĐIỀU 59. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG</p> <p>59.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>59.2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố, bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công</p>	<p>ĐIỀU 59. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG</p> <p>59.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>59.2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố, bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 48.1 của Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 48.2 của Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>ty là người khởi kiện, nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác, nhân viên hoặc là đại diện được ủy quyền của Công ty hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>ty là người khởi kiện, nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người quản lý doanh nghiệp khác, nhân viên hoặc là đại diện được ủy quyền của Công ty hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người quản lý doanh nghiệp khác, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	
41	<p>ĐIỀU 60. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ</p> <p>60.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Công ty (nếu có), danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p>ĐIỀU 60. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ</p> <p>60.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý doanh nghiệp khác có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Công ty (nếu có), danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p>Chỉnh sửa từ ngữ phù hợp với hoạt động của Công ty.</p>
42	<p>ĐIỀU 64. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</p>	<p>ĐIỀU 64. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</p>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>64.1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 65 của Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p>64.1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 65 của Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật.</p>	
	<p>64.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p>	<p>64.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 55.2 của Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
43	<p>ĐIỀU 65. KIỂM TOÁN</p> <p>65.2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>65.3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công</p>	<p>ĐIỀU 65. KIỂM TOÁN</p> <p>65.2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>65.3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công</p>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p> <p>65.4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p>	<p>ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p> <p>65.4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p>	
44	<p>ĐIỀU 66. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ</p> <p>66.1. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ được xác định và thực hiện theo Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) được Bộ Tài chính chấp thuận.</p>	<p>ĐIỀU 66. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ</p> <p>66.1. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ được xác định và thực hiện theo Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) và/hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p>	Chỉnh sửa phù hợp với hoạt động của Công ty.
45	<p>ĐIỀU 67. CỔ TỨC</p> <p>67.1. Cổ tức trả cho Cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; và ngay khi trả hết số cổ tức dự định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Tùy theo tình hình kinh doanh, Hội đồng quản trị có thể tạm chi cổ tức theo từng quý hoặc sáu tháng cho Cổ đông.</p>	<p>ĐIỀU 67. CỔ TỨC</p> <p>67.1. Cổ tức trả cho Cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận sau thuế và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; và ngay khi trả hết số cổ tức dự định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Tùy theo tình hình kinh doanh, Hội đồng quản trị có thể tạm chi cổ tức theo từng quý hoặc sáu tháng cho Cổ đông.</p>	Chỉnh sửa theo Điều 4.5 của LDN.
	Không quy định.	67.10. Cổ tức được trả trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi nghị quyết/quyết định có liên quan được thông	Bổ sung theo nguyên tắc 8.3.2 của Bộ nguyên tắc quản trị công ty năm

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		qua, hoặc trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nghị quyết/quyết định trả cổ tức bằng cổ phiếu được thông qua.	2026.
46	<p>ĐIỀU 68. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN</p> <p>68.2. Báo cáo công bố thông tin về mô hình tổ chức quản trị, quản lý và kiểm soát Công ty, về quản trị công ty, về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; và Báo cáo công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p> <p>Không quy định.</p>	<p>ĐIỀU 68. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN</p> <p>68.2. Báo cáo công bố thông tin về mô hình tổ chức quản trị, quản lý và kiểm soát Công ty, về quản trị công ty, về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; và Báo cáo công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p> <p>68.4. Hội đồng quản trị ban hành quy trình cụ thể về việc công bố thông tin và cung cấp thông tin cho Cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan nhà nước, và giám sát việc thực hiện quy trình này.</p>	<p>Chỉnh sửa từ ngữ phù hợp.</p> <p>Bổ sung điều khoản về hoạt động công bố thông tin theo Quy chế công bố thông tin.</p>
47	<p>ĐIỀU 69. QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT</p> <p>Không quy định.</p>	<p>ĐIỀU 69. QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT</p> <p>69.7. Công ty tổ chức các cuộc họp giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết hoặc thông qua các phương thức phù hợp để lấy ý kiến, thảo luận, thống nhất và hoàn thiện các quy định liên quan đến quản trị Nhóm Công Ty, làm cơ sở cho việc ký kết các thỏa thuận giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết.</p>	<p>Bổ sung quy định liên quan đến quản trị Nhóm Công Ty.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
48	<p>ĐIỀU 70. QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐỐI VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT</p> <p>Không quy định.</p>	<p>ĐIỀU 70. QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐỐI VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT</p> <p>70.1. Khung và nguyên tắc quản trị công ty của Nhóm Công Ty được xây dựng dựa trên các trụ cột quan trọng do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>Các trụ cột và nguyên tắc này được Hội đồng quản trị quy định cụ thể tại các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, và các thỏa thuận giữa Công ty với các công ty thuộc Nhóm Công Ty.</p>	<p>Bổ sung quy định liên quan đến quản trị Nhóm Công Ty.</p>
	<p>70.3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành các quy chế, quy định, nguyên tắc làm cơ sở định hướng giám sát và quản trị các công ty con phù hợp với quy định pháp luật và thỏa thuận giữa Công ty với công ty con.</p>	<p>70.3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành các Quy chế quản lý nội bộ làm cơ sở định hướng giám sát và quản trị các công ty con phù hợp với quy định pháp luật và thỏa thuận của Nhóm Công Ty.</p> <p>Các Quy chế quản lý nội bộ được ban hành dựa trên các nguyên tắc do Hội đồng quản trị quyết định.</p>	
49	<p>ĐIỀU 71. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CÔNG TY TẠI TỔ CHỨC KHÁC</p> <p>71.1. Trừ khi Hội đồng quản trị quyết định khác, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>[...]</p>	<p>ĐIỀU 71. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CÔNG TY TẠI TỔ CHỨC KHÁC</p> <p>71.1. Trừ khi Hội đồng quản trị quyết định khác, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo khoản 5, Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>[...]</p>	<p>Bổ sung theo Điều 14.5 của LDN.</p>
50	ĐIỀU 73. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	ĐIỀU 73. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>CÔNG TY</p> <p>73.2. Trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ này hoặc các thỏa thuận, giữa:</p> <p>a) Cổ đông với Công ty; hoặc</p> <p>b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hay Người quản lý doanh nghiệp khác.</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.</p>	<p>CÔNG TY</p> <p>73.2. Trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ này hoặc các thỏa thuận, giữa:</p> <p>a) Cổ đông với Công ty; hoặc</p> <p>b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hay Người quản lý doanh nghiệp khác.</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 62.1(b) của Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
51	<p>ĐIỀU 76. GIA HẠN VÀ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG</p> <p>76.3. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>Không quy định.</p>	<p>ĐIỀU 76. GIA HẠN VÀ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG</p> <p>76.3. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>c) Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;</p>	<p>Bổ sung theo Điều 207.1(c) của LDN.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
52	<p>ĐIỀU 78. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p> <p>78.2. Bản Điều lệ này bao gồm 10 chương, 78 điều có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026 và thay thế bản Điều lệ ngày 13 tháng 10 năm 2025.</p>	<p>ĐIỀU 78. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p> <p>78.2. Bản Điều lệ này bao gồm 10 chương, 78 điều có hiệu lực từ ngày __ tháng __ năm 2026 và thay thế bản Điều lệ ngày __ tháng 02 năm 2026.</p>	

* * * * *